FireAnt

CTCP Phát triển Nhà Thủ Đức (HSX: TDH)

Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	4,060
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	6,630
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,900
SL cổ phiếu LH	112,652,767
KLGD BQ 20 phiên (CP)	192,185
% sở hữu nước ngoài	1.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	457
P/E	-11.8
EPS	-344

	YTD	1T	3T	6T
TDH	-12.5%	-1.7%	-12.7%	-18.8%
VNINDEX	13.5%	1.8%	14.4%	11.3%

Cơ cấu Tổng tài sản

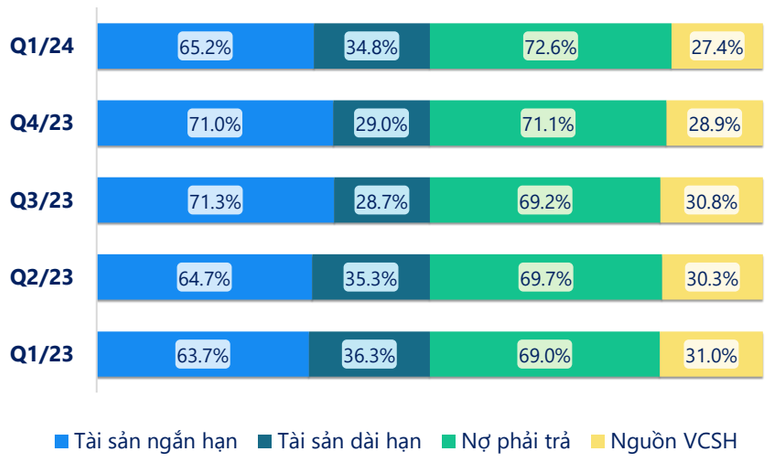

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

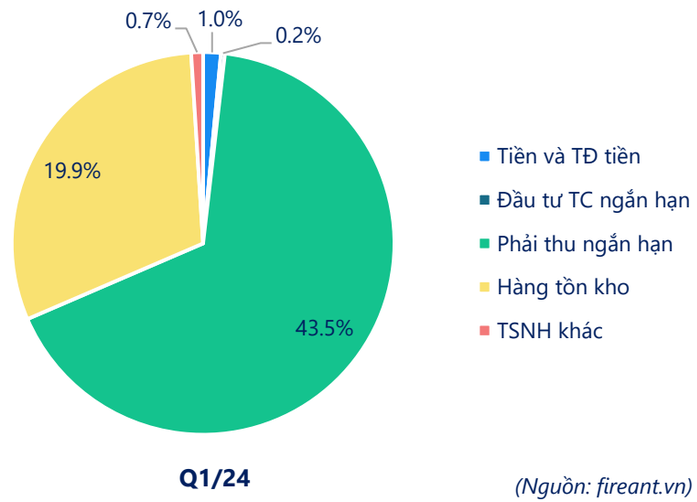

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

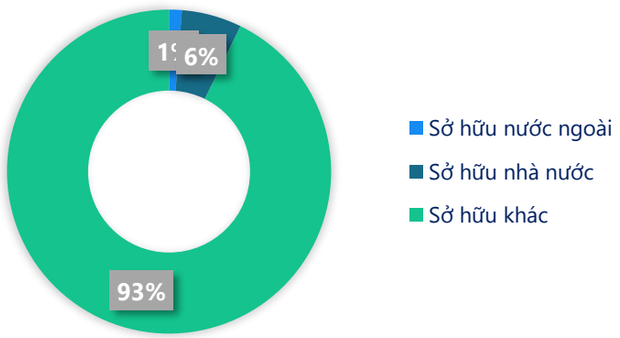

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

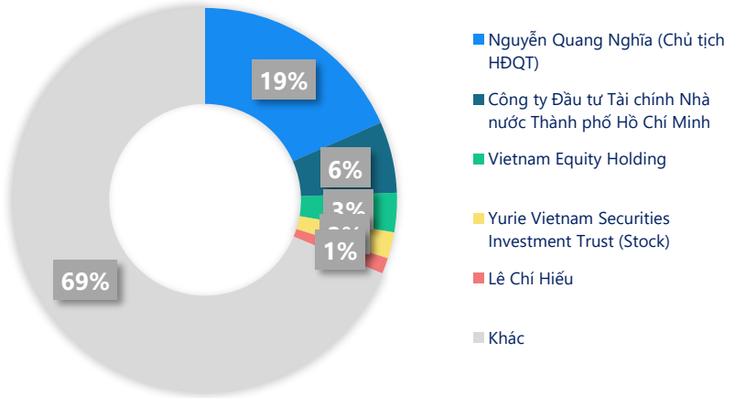

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

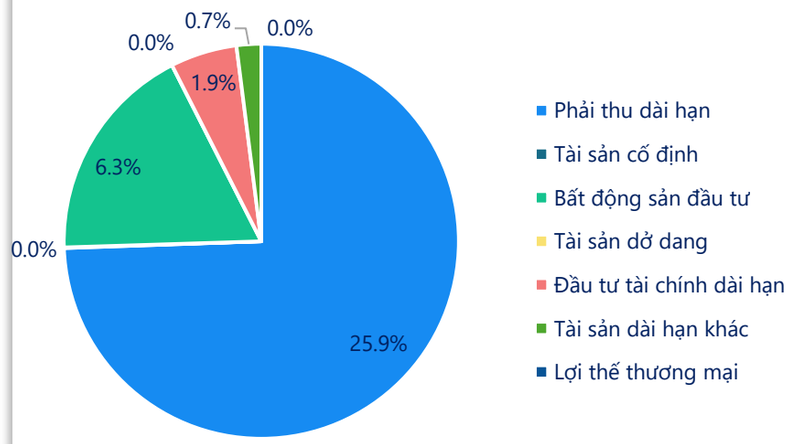

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Phát triển Nhà Thủ Đức (HSX: TDH)

Tiền và tương đương tiền

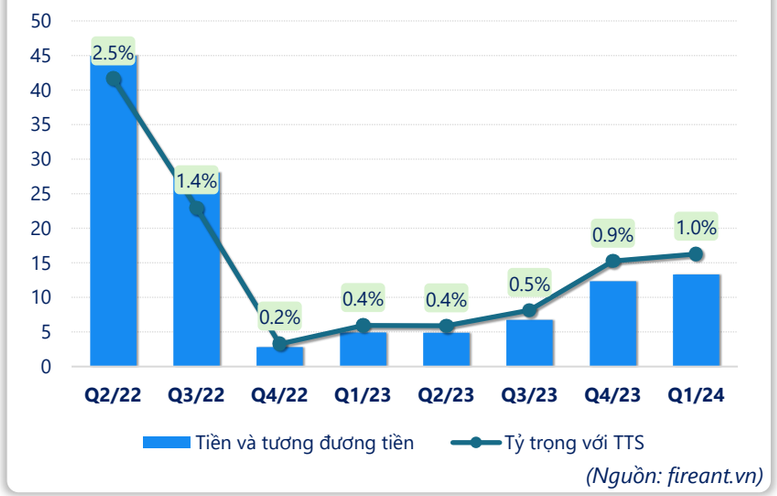

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

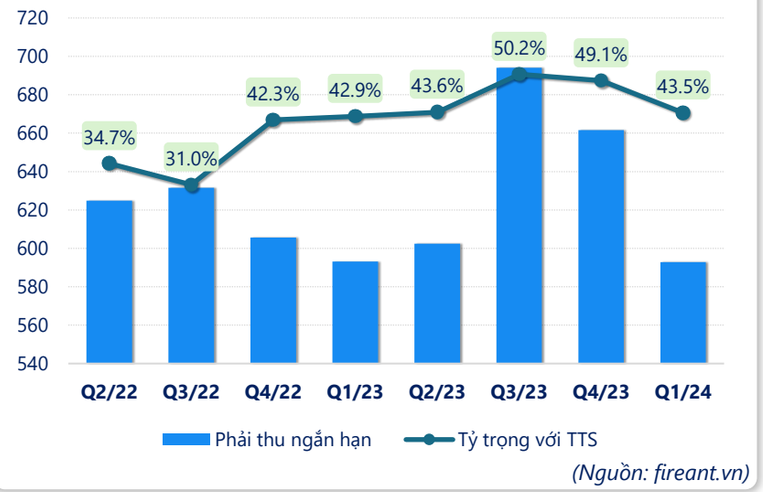

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

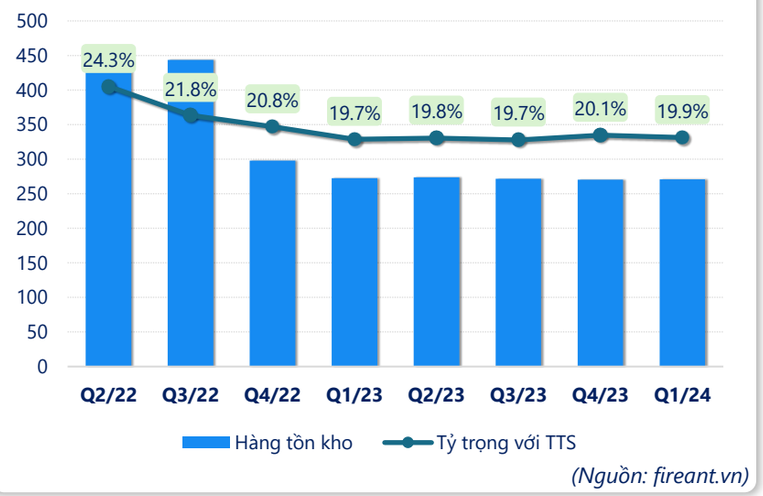

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

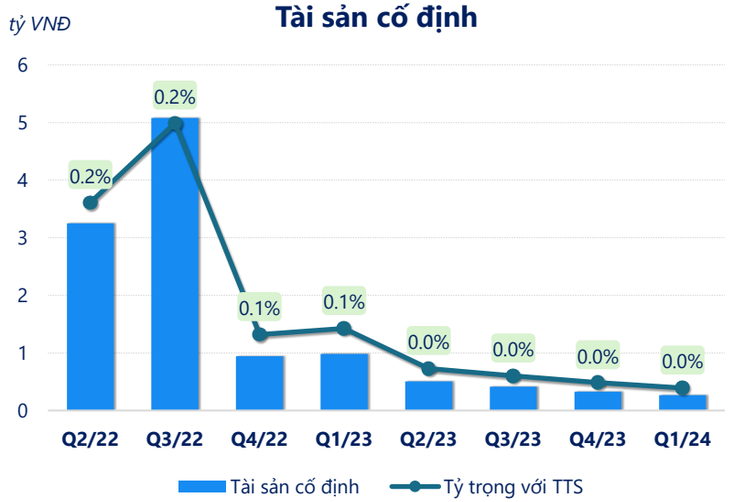

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

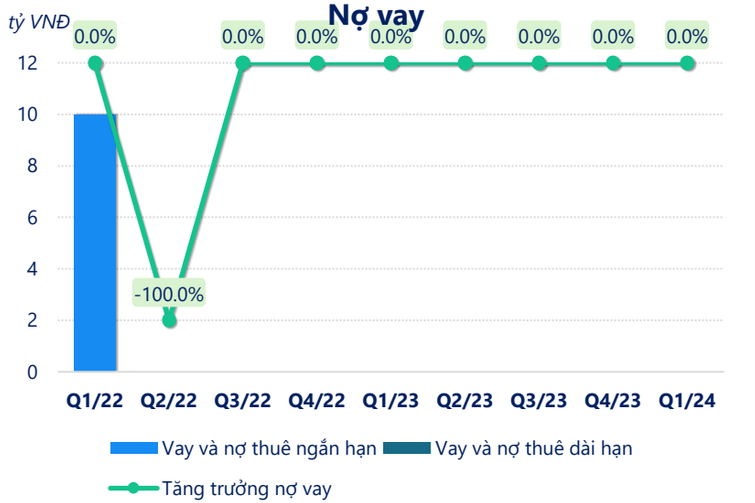

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

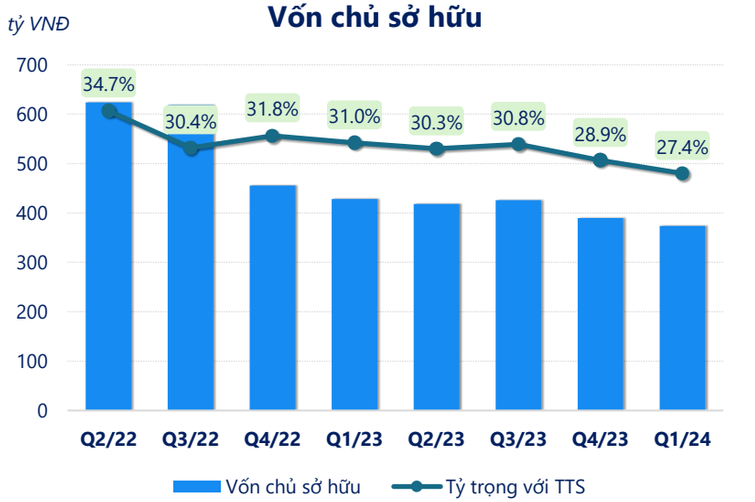

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Phát triển Nhà Thủ Đức (HSX: TDH)

Kết quả kinh doanh

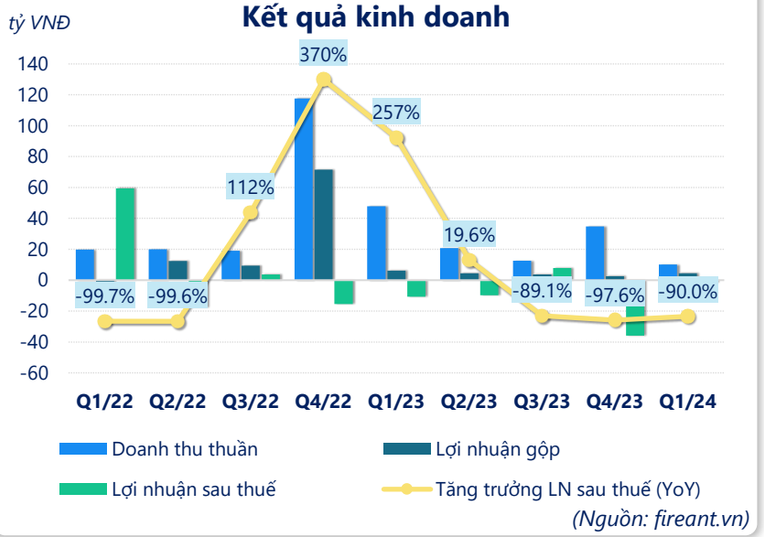

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

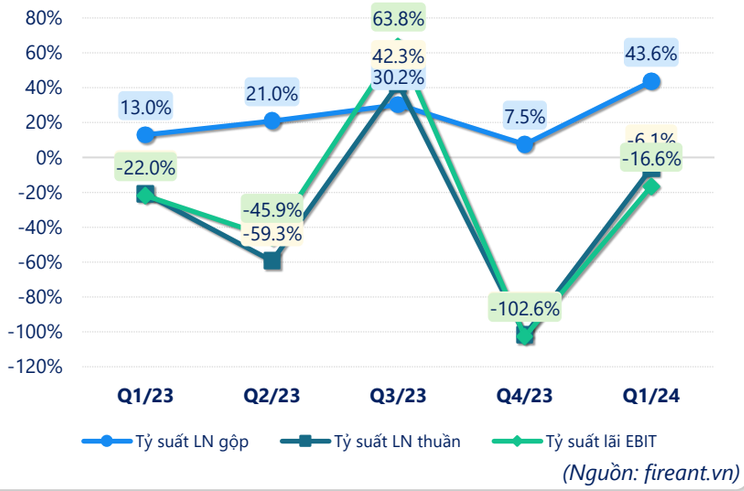

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

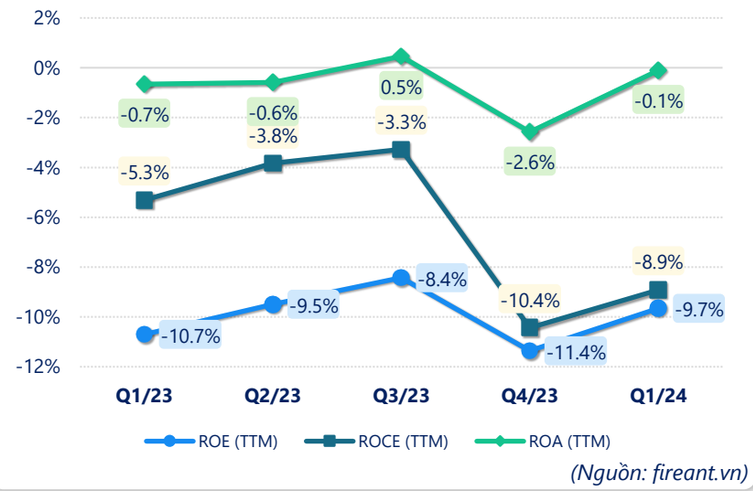

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

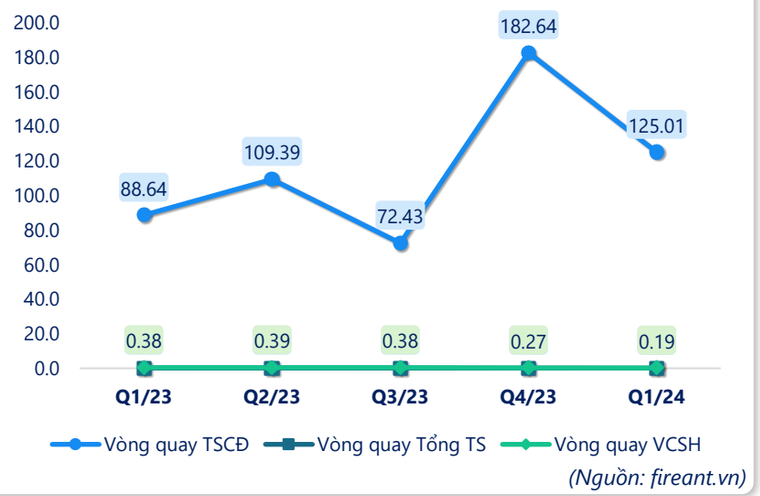

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

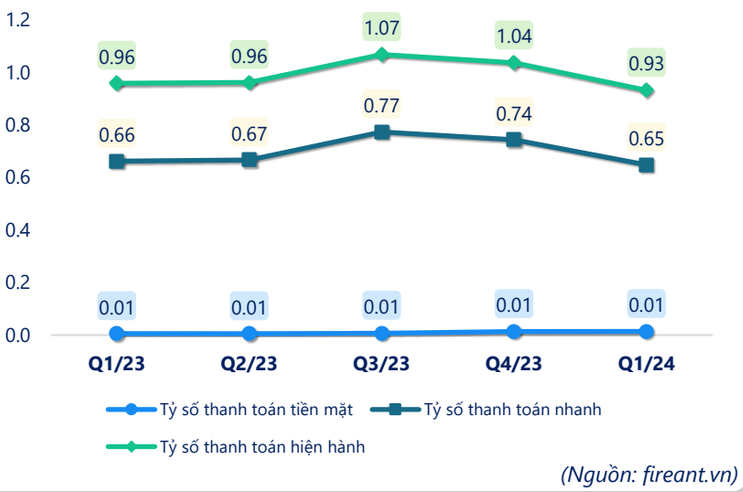

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

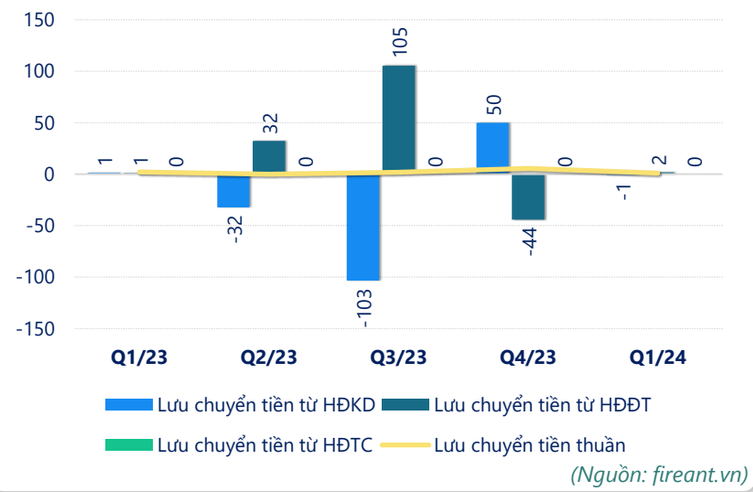

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Phát triển Nhà Thủ Đức (HSX: TDH)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,362**	**1,334**	**2.2%**
Tài sản ngắn hạn	889	853	4.1%
Tiền và tương đương tiền	13.3	12.3	7.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.93	3.80	-22.8%
Phải thu ngắn hạn	593	558	6.2%
Hàng tồn kho	271	271	0.1%
Tài sản ngắn hạn khác	8.89	8.73	1.8%
Tài sản dài hạn	**474**	**480**	**-1.3%**
Phải thu dài hạn	353	358	-1.6%
Tài sản cố định	0.27	0.33	-18.1%
Bất động sản đầu tư	85.4	86.6	-1.4%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	25.8	25.8	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**9.55**	**8.97**	**6.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	988	958	3.2%
Nợ ngắn hạn	**954**	**924**	**3.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	143	144	-0.8%
Nợ dài hạn	34.5	33.9	1.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**374**	**376**	**-0.5%**
Vốn chủ sở hữu	**374**	**376**	**-0.5%**
Vốn điều lệ	1,127	1,127	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Doanh thu thuần	47.9	20.8	12.5	34.7	10.1
Giá vốn hàng bán	41.6	16.5	8.74	32.1	5.72
Lợi nhuận gộp	6.21	4.37	3.78	2.62	4.42
Doanh thu HĐTC	0.96	0.88	0.75	0.90	0.00
Chi phí TC	11.6	14.0	-1.72	0.31	0.18
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.37	0.30	0.45	0.52	0.56
Chi phí QLDN	5.22	3.26	0.51	38.0	4.30
LN thuần từ HĐKD	-9.97	-12.4	5.29	-35.3	-0.62
Lợi nhuận khác	-0.54	2.80	2.70	-0.28	-1.06
LN trước thuế	-10.5	-9.55	7.99	-35.6	-1.68
Lợi nhuận sau thuế	-10.7	-9.68	7.84	-35.8	-1.69
LNST của CĐ cty mẹ	-10.7	-9.36	7.84	-35.8	-1.38

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.15	-32.2	-103	49.8	-0.92
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.96	32.1	105	-44.3	1.89
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	2.81	4.93	4.89	6.74	12.3
Lưu chuyển tiền thuần	**2.12**	**-0.04**	**1.86**	**5.59**	**0.96**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	4.93	4.89	6.74	12.3	13.3

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic